Chi tiết mã HS 2916.14.90

Mã HS	2916.14.90
Mô tả hàng hóa	Axit carboxylic đơn chức mạch hở chưa no, axit carboxylic đơn chức mạch vòng, các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng / - Axit carboxylic đơn chức mạch hở chưa no, các anhydrit, halogenua, peroxit, peroxyaxit của chúng và các dẫn xuất của các chất trên: / - - Este của axit metacrylic: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 13:27:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29161490/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4082
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4082
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4082
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4027
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3988
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3988
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3988
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3988
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3988
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3988
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4026
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4026
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4026
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4026

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4026
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4026
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4030
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4030
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4030
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4030
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4030
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4030
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4030
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3994
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3990
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3990
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3990
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3990
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3990
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3990
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3990
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3990
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3990
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3990
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3990
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3990
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4037
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4037
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4037
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4037

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4037
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4037
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4034
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4034
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4034
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4034
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4034
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4034
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4042
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4042
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4042
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4042
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4042
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4042
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4013
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4013
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4013
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4013
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4013
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4013
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4015
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4015
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4015
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4015
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4015
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4015

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4013
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4013
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4013
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4013
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4013
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4013
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4013
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4034
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4034
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4034
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4034
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4034
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4034
RCEP B	2022	2022	0	B!D4034
RCEP B	2023	2023	0	B!E4034
RCEP B	2024	2024	0	B!F4034
RCEP B	2025	2025	0	B!G4034
RCEP B	2026	2026	0	B!H4034
RCEP B	2027	2027	0	B!I4034
RCEP C	2022	2022	0	C!D4034
RCEP C	2023	2023	0	C!E4034
RCEP C	2024	2024	0	C!F4034
RCEP C	2025	2025	0	C!G4034
RCEP C	2026	2026	0	C!H4034
RCEP C	2027	2027	0	C!I4034
RCEP D	2022	2022	0	D!D4034

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4034
RCEP D	2024	2024	0	D!F4034
RCEP D	2025	2025	0	D!G4034
RCEP D	2026	2026	0	D!H4034
RCEP D	2027	2027	0	D!I4034
RCEP E	2022	2022	0	E!D4037
RCEP E	2023	2023	0	E!E4037
RCEP E	2024	2024	0	E!F4037
RCEP E	2025	2025	0	E!G4037
RCEP E	2026	2026	0	E!H4037
RCEP E	2027	2027	0	E!I4037
RCEP F	2022	2022	0	F!D4034
RCEP F	2023	2023	0	F!E4034
RCEP F	2024	2024	0	F!F4034
RCEP F	2025	2025	0	F!G4034
RCEP F	2026	2026	0	F!H4034
RCEP F	2027	2027	0	F!I4034
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3705
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3705
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3705
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3705

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2916.14 có 2 dòng thuế; dòng 2916.14.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2916.14.10 Metyl metacrylat	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2916.14.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2916.14.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4082), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.